

HOSE 11/09/2014

VNINDEX 628.99 0.20 0.03%

 KLGD 129,414,618 CP
 GTGD 2,577.18 Tỷ
 GTR NDTNN - 33.51 Tỷ

 CP Tăng giá 131 CP
 CP Giảm giá 77 CP
 CP Đứng giá 96 CP


Tâm điểm

- ▶ **Sắc xanh lan tỏa trên cả 2 sàn**
- ▶ **Thanh khoản thị trường sụt giảm nhưng vẫn ở mức khá**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,500 tỷ đồng
- ▶ **Tính đến ngày 26/8, tăng trưởng tín dụng của hệ thống NHTM là 4.5%**
Con số này thấp hơn gần 2% so với cùng kỳ năm ngoái
Doanh nhân Sài Gòn
- ▶ **Việt Nam là 1 trong 10 trung tâm sản xuất thiết bị điện tử hàng đầu thế giới**
Các doanh nghiệp FDI đã góp phần giúp Việt Nam thực hiện được điều này
DVO
- ▶ **Lạm phát Trung Quốc xuống thấp nhất 4 tháng**
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8 tăng 2% so với cùng kỳ năm ngoái
DVO/ Bloomberg
- ▶ **MWG: Xin ý kiến cổ đông thưởng và tạm ứng cổ tức 2014 tỷ lệ 70%**
Tháng 4/2014, MWG đã thưởng cổ phiếu và tạm ứng cổ tức với tỷ lệ gần 439%
DVO
- ▶ **ITA: Doanh thu, lợi nhuận 8 tháng sắp đạt kế hoạch**
Năm 2014, ITA đặt mục tiêu LNST đạt 107.5 tỷ đồng
Vietstock

HNX 11/9/2014

HNXINDEX 88.41 0.55 0.63%

 KLGD 74,891,017 CP
 GTGD 1,024.09 Tỷ
 GTR NDTNN - 23.23 Tỷ

 CP Tăng giá 105 CP
 CP Giảm giá 91 CP
 CP Đứng giá 183 CP


Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,121,112	15.7	3.5	19.9%	10.8%
HNX	142,754	14.5	1.8	9.2%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,263,866	17.3	3.3	18.9%	10.2%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,552	6.9	1.0	13.7%	9.1%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,141	9.6	1.6	16.4%	11.2%	
Thép và sản phẩm thép	39,714	17.3	2.2	20.5%	9.5%	
Khai khoáng	12,222	67.3	5.6	0.3%	0.0%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,777	16.0	1.5	11.5%	7.6%	
Xây dựng	32,221	48.3	1.3	-1.1%	2.1%	
Máy công nghiệp	8,586	9.1	1.4	15.0%	10.2%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,795	8.5	1.5	18.9%	13.6%	
Lốp xe	8,321	10.3	3.0	27.6%	11.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	20,264	11.8	1.9	18.2%	6.5%	
Thực phẩm	199,235	24.2	4.8	20.6%	16.2%	
Dược phẩm	15,424	10.7	2.9	24.8%	16.3%	
Phần mềm	19,561	12.1	2.5	21.5%	9.2%	
Sản xuất & phân phối điện	24,924	-	5.9	1.3	-16.0%	0.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	236,029	19.3	6.4	33.1%	22.7%	
Bảo hiểm nhân thọ	31,574	25.8	2.7	10.2%	2.1%	
Môi giới chứng khoán	27,650	13.9	1.6	9.5%	7.0%	
Ngân hàng	248,535	11.5	1.3	10.6%	0.9%	
Bất động sản	164,269	16.9	2.8	20.5%	5.1%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	52,369	11.8	2.5	22.7%	9.5%	

VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 665.09 -1.33 -0.20%
 HNX30 181.75 1.46 0.81%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Tính đến ngày 26/8, tăng trưởng tín dụng của hệ thống NHTM là 4.5%

Việt Nam là 1 trong 10 trung tâm sản xuất thiết bị điện tử hàng đầu thế giới

Lạm phát Trung Quốc xuống thấp nhất 4 tháng

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

MWG: Xin ý kiến cổ đông thường và tạm ứng cổ tức 2014 tỷ lệ 70%

ITA: Doanh thu, lợi nhuận 8 tháng sắp đạt kế hoạch

PVS: Market Vectors ETF Trust trở thành cổ đông lớn

► Tin kinh tế

Theo số liệu thống kê mới nhất của Ngân hàng Nhà nước, tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại tính đến ngày 26/8 là 4.5% (so với cuối năm 2013). Con số này thấp hơn gần 2% so với cùng kỳ năm ngoái và nếu những tháng cuối năm tốc độ cho vay của các ngân hàng tương đương với năm 2013 thì nhiều khả năng tăng trưởng tín dụng cả năm sẽ cán mức 10%, không đạt chỉ tiêu 12 - 14% mà Ngân hàng Nhà nước đề ra.

Hội thảo phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam vừa được tổ chức sáng ngày 11/9/2014 bởi Tập đoàn Samsung, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng Hiệp hội Doanh nghiệp Đầu tư nước ngoài. Tại hội thảo, theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến nay, Việt Nam đã thu hút được gần 17 nghìn dự án FDI với tổng số vốn đăng ký đạt trên 243 tỷ USD (trong đó vốn giải ngân đạt khoảng 120 tỷ USD) từ 101 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong những năm gần đây, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam gia tăng đáng kể vào lĩnh vực công nghiệp điện tử từ một số quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan. Các doanh nghiệp FDI đã góp phần đưa Việt Nam trở thành 1 trong 10 trung tâm sản xuất thiết bị điện tử hàng đầu thế giới trong chưa đầy 1 thập kỷ với giá trị sản xuất năm 2013 đạt 40 tỷ USD và dự kiến tăng mạnh trong thời gian tới.

Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc cho biết, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8 tăng 2% so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn so với mức tăng 2.3% của tháng 7 và dự báo 2.2% của các chuyên gia. Đồng thời, chỉ số giá sản xuất giảm 1.2% so với mức giảm dự báo 1.1%, và ghi nhận 30 tháng giảm liên tiếp. Đây là đợt giảm dài nhất kể từ giai đoạn 1997-1999. Giới đầu tư nhận định, lạm phát chậm lại sẽ thúc đẩy chính phủ tăng cường kích thích, hỗ trợ kinh tế trong giai đoạn bất động sản suy yếu trầm trọng, nhập khẩu suy yếu và tăng trưởng nguồn cung tiền giảm. Chính phủ Trung Quốc đang rất nỗ lực để đạt đến mục tiêu tăng trưởng 7.5% của năm 2014 mà vẫn duy trì lạm phát trong vòng 3.5%.

► Tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (HOSE: MWG) công bố tài liệu trình cổ đông tại Đại hội cổ đông bất thường năm 2014 được tổ chức vào sáng mai, 12/9/2014. Nội dung quan trọng nhất là Hội đồng quản trị trình phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2014 với tổng tỷ lệ là 70%. Trong đó, phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần tỷ lệ 6.7% và tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu tỷ lệ 63.3%. Tổng số cổ phiếu dự kiến hành thêm là 43.9 triệu đơn vị. Sau khi phát hành, vốn điều lệ của MWG tăng từ 627 tỷ đồng lên 1,066 tỷ đồng. Thời gian dự kiến phát hành trong 6 tháng cuối năm 2014.

Theo thông tin từ CTCP Đầu Tư Công Nghiệp Tân Tạo (HOSE: ITA), tính đến hết tháng 8/2014, riêng KCN Tân Đức của ITA đã thu hút 12 dự án đầu tư mới với tổng số vốn đăng ký trên 30 triệu USD. Vì vậy doanh thu và lợi nhuận 8 tháng của ITA đã đạt gần 100% kế hoạch cả năm 2014. Được biết, ngay từ đầu năm, ITA đã thực hiện tái cấu trúc các khoản nợ vay nhằm giảm tổng nợ ngắn và dài hạn từ 1,936 tỷ đồng của năm 2013 xuống còn 1,814 tỷ trong quý 2/2014. Điều này đã giúp giảm đáng kể áp lực chi phí tài chính và tỷ lệ Nợ vay/Tổng tài sản chỉ còn 18%. Bên cạnh đó các khoản phải thu ngắn và dài hạn luôn luôn duy trì cao hơn các khoản nợ ngắn/ dài hạn cho thấy quan điểm nhất quán trong việc đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh, an toàn và ổn định của ITA.

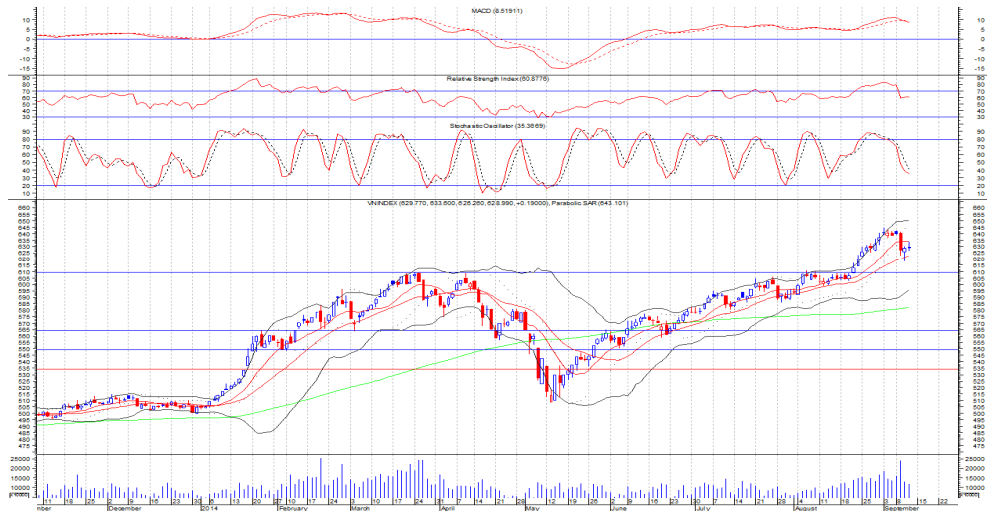
Market Vectors ETF Trust - Market Vectors - Vietnam ETF đã mua 123,300 cổ phiếu PVS, qua đó, Market Vectors ETF Trust - Market Vectors - Vietnam ETF đã nâng sở hữu tại PVS từ 4.98% (22,230,650 cổ phiếu) lên thành 5% (22,353,950 cổ phiếu). Ngày trở thành cổ đông lớn là 08/09/2014. Trong một tháng qua, giá cổ phiếu PVS bình quân dao động trong biên độ 33,700 – 42,900 đồng/cp, khối lượng giao dịch bình quân là 4,024,726 đơn vị, trị giá giao dịch bình quân là 157.9 tỷ đồng/phiên.

HOSE 11/09/2014 VNINDEX 628.99 0.20 0.03% 129,414,618 CP 2,577.18 bil VND

Sắc xanh lan tỏa trên cả 2 sàn

VN-Index tăng 0,19 điểm (+0.03%), đóng cửa tại mức 628,99 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, VN-Index tiếp tục hồi phục nhẹ.

- MACD sau khi cho tín hiệu bán ra tiếp tục sụt giảm xuống.
- Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc mạnh và chưa cho tín hiệu mua trở lại.
- MA10 đã bị phá vỡ, ngưỡng MA20 tỏ rõ là mốc hỗ trợ khá tốt cho VN-Index trong những nhịp điều chỉnh. Cả 2 đường này vẫn đang giữ đà tăng, cho thấy xu hướng tăng điểm của VN-Index vẫn đang duy trì.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.3 (-2.4%)	15,143,770
ITA	0.6 (7.0%)	12,378,850
KBC	0.9 (6.6%)	4,631,270
HVG	1.8 (6.8%)	4,136,500
SSI	0.3 (1.0%)	3,915,980

HOSE Top 5 theo % tăng

PAC	1.6 (7.0%)	127,140
ITA	0.6 (7.0%)	12,378,850
PXS	2.4 (6.9%)	1,817,160
VPH	0.6 (6.9%)	299,340
FCM	0.9 (6.9%)	1,326,180

HOSE Top 5 theo % giảm

KDC	-8.5 (-12.4%)	887,420
SCD	-1.7 (-6.7%)	30
SBC	-0.9 (-6.6%)	60,470
PNC	-0.6 (-6.6%)	41,090
TMT	-1 (-6.5%)	141,240

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	48,7 tỷ	492,330
GAS	5,4 tỷ	44,790
DRC	3,9 tỷ	67,400
CNG	2,7 tỷ	72,120
BVH	2,6 tỷ	56,140

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KBC	-33,2 tỷ	2,331,610
KDC	-22,9 tỷ	389,510
VIC	-14,6 tỷ	267,370
MSN	-5,3 tỷ	63,780
DPM	-4,7 tỷ	138,930

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-3,112,828	- 33.51

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch khá tích cực, sắc xanh lan rộng trên hầu hết các mã trên sàn sau nhịp điều chỉnh. Dù vậy thì VN-Index không tăng điểm quá mạnh.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 121 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng thanh khoản vẫn ở mức cao, nó cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 33,51 tỷ. Lượng bán tập trung nhiều ở KDC, KBC và VIC. Trong khi khối này mua ròng rất mạnh ở mã PVD.
- ▶ VN-Index giao dịch cân bằng trở lại và nhiều khả năng sẽ xuất hiện những phiên hồi nhẹ. Tuy nhiên, nhiều khả năng nhịp hồi này sẽ không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15% trong những phiên vừa qua. Việc mua đuổi vẫn chưa nên diễn ra.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	121.0	229,295.00	19.8	6.5	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	109.0	109,012.93	17.8	5.9	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	28.5	75,953.08	16.6	1.7	10.6%	1.0%
VIC	1,383.5	54.5	75,400.48	16.1	4.3	27.6%	6.2%
MSN	735.8	83.0	61,072.08	-1,501.9	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	14.1	39,637.96	9.9	1.2	12.3%	0.7%
BVH	680.5	46.0	31,301.69	25.8	2.7	10.2%	2.1%
PVD	303.0	99.5	30,152.17	12.8	2.7	22.7%	10.7%
HPG	481.9	57.5	27,709.72	10.2	2.7	28.3%	12.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

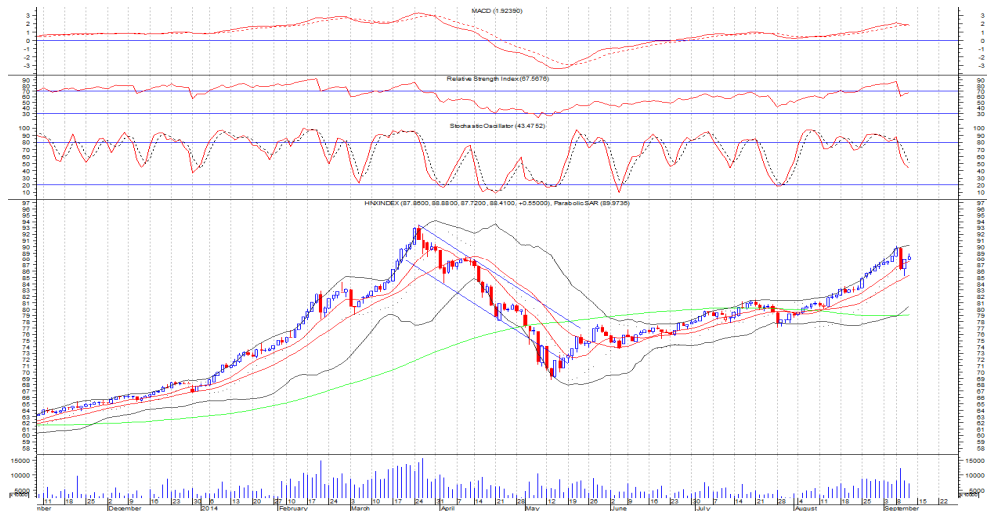
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	16.8	4,298.41	17.7	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	55.5	19,086.13	12.1	2.5	NA	TH.DOI
CII	115.5	21.0	2,426.07	8.0	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.5	3,115.28	8.5	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	24.5	676.44	2.7	1.1	NA	TH.DOI

HNX 11/09/2014 HNX-Index 88.41 0.55 0.63% 74,891,017 CP 1,024.09 bil. VND

Sắc xanh lan tỏa trên cả 2 sàn

Chỉ số HNX-Index tăng 0.55 điểm (+0.63%), đóng cửa tại mốc 88.41 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, chỉ số này tiếp tục hồi phục nhẹ trở lại.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sụt giảm mạnh.
- MACD dừng đà giảm và vẫn chưa cho tín hiệu bán ra.
- RSI (14) tăng nhẹ trở lại mức 67.
- MA10, MA20 vẫn đang giữ xu hướng tăng, điều này cho thấy đà tăng của HNX-Index vẫn đang được giữ vững.



HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	Giá
PVX	0.1 (1.6%)	6,954,280
SCR	0.3 (3.0%)	5,561,800
SHS	0.7 (6.4%)	5,371,940
PVL	0.4 (10.0%)	5,353,280
KLF	0.1 (0.8%)	5,230,830

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	Đổi (%)	Giá
DPC	1.3 (10.0%)	6,800
PVL	0.4 (10.0%)	5,353,280
VBC	3.2 (9.8%)	100
VIX	2.1 (9.8%)	686,500
TNG	1.6 (9.8%)	665,520

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	Đổi (%)	Giá
HHG	-0.7 (-10.0%)	196,200
PID	-0.6 (-10.0%)	1,300
ECI	-2.1 (-9.8%)	100
SDG	-2.5 (-9.8%)	1,100
TV3	-1.7 (-9.4%)	1,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Giá
KLS	9,7 tỷ	786,700
PVC	1,5 tỷ	42,400
SDT	0,9 tỷ	55,800
PMC	0,3 tỷ	5,500
NBC	0,2 tỷ	20,800

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Giá
PVS	-24,8 tỷ	582,000
VND	-5,0 tỷ	300,000
PGS	-2,5 tỷ	64,700
HOM	-1,4 tỷ	159,500
SHB	-1,0 tỷ	111,100

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-367,530	23.23

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch khá tích cực, sắc xanh lan rộng trên hầu hết các mã trên sàn sau nhịp điều chỉnh. Dù vậy thì HNX-Index không tăng điểm quá mạnh.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 73 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng thanh khoản vẫn ở mức cao, nó cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 23,23 tỷ. Khối này bán mạnh ở PVS. Trong khi mua nhiều ở KLS.
- ▶ HNX-Index giao dịch cân bằng trở lại và nhiều khả năng sẽ xuất hiện những phiên hồi nhẹ. Tuy nhiên, nhiều khả năng nhịp hồi này sẽ không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15% trong những phiên vừa qua. Việc mua đuổi vẫn chưa nên diễn ra.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	42.3	18,895.43	10.6	2.3	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.3	13,919.64	20.7	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.4	8,329.18	9.9	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.5	6,404.80	11.3	1.2	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	82.9	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.5	4,165.43	14.4	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	20.8	2,726.38	8.8	1.1	12.7%	5.7%
LAS	77.8	34.9	2,716.34	7.0	1.8	27.5%	15.2%
NTP	56.3	46.1	2,597.24	7.1	2.0	22.9%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	38.3	1,455.40	9.1	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.7	661.32	6.3	0.9	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.7	1,669.98	15.3	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.1	2,597.24	7.1	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	34.5	1,725.00	10.1	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	41.4	326.02	6.5	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	13.73%	83.0	#####	4.27	211,453	307,978	240,432
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	13.68%	54.5	16.12	4.34	2,824,376	2,110,173	1,061,712
HPG	HOSE	481.9	27,709.72	13.62%	57.5	10.16	2.68	1,111,099	1,044,935	926,858
PVD	HOSE	303.0	30,152.17	9.64%	99.5	12.79	2.70	428,259	413,006	374,970
HAG	HOSE	790.0	19,038.23	8.07%	24.1	16.38	1.40	3,419,038	3,374,188	2,761,211
STB	HOSE	1,142.5	22,621.73	7.65%	19.8	8.29	1.34	454,665	329,352	911,147
VCB	HOSE	2,665.0	75,953.08	6.07%	28.5	16.57	1.71	669,769	621,710	461,716
DPM	HOSE	379.9	12,841.78	5.32%	33.8	10.19	1.44	2,338,408	1,742,926	1,158,305
ITA	HOSE	718.9	6,613.93	3.07%	9.2	66.64	0.79	11,493,676	9,458,788	6,179,537
BVH	HOSE	680.5	31,301.69	2.45%	46.0	25.84	2.71	175,526	136,174	166,248
KBC	HOSE	389.8	5,690.50	2.33%	14.6	23.38	1.05	3,688,908	2,595,981	1,698,392
HSG	HOSE	96.3	4,276.30	2.28%	44.4	13.18	1.81	321,211	232,073	157,514
GMD	HOSE	116.1	4,006.76	1.97%	34.5	7.93	0.83	535,478	473,901	257,079
VSH	HOSE	206.2	3,031.75	1.58%	14.7	14.46	1.13	1,200,651	1,013,257	718,292
PPC	HOSE	318.2	7,444.82	1.47%	23.4	15.15	1.47	789,579	748,142	579,176
CSM	HOSE	67.3	2,987.76	1.45%	44.4	8.36	2.52	312,837	282,792	363,482
DRC	HOSE	83.1	4,776.75	1.34%	57.5	12.86	3.49	185,938	206,861	237,596
HVG	HOSE	132.0	3,748.80	1.24%	28.4	29.70	1.50	1,476,746	1,105,771	828,100
PVT	HOSE	255.9	4,298.41	1.16%	16.8	17.71	1.46	2,246,450	2,208,692	1,821,617
DIG	HOSE	178.7	2,359.42	1.06%	13.2	64.23	0.99	308,732	284,611	205,836
OGC	HOSE	300.0	3,570.00	0.82%	11.9	43.93	1.13	4,062,746	3,769,309	2,014,523

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,621.73	7.67%	19.8	8.29	1.34	454,665	329,352	911,147
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	7.43%	83.0	#####	4.27	211,453	307,978	240,432
VCB	HOSE	2,665.0	75,953.08	7.31%	28.5	16.57	1.71	669,769	621,710	461,716
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	6.29%	54.5	16.12	4.34	2,824,376	2,110,173	1,061,712
DPM	HOSE	379.9	12,841.78	5.63%	33.8	10.19	1.44	2,338,408	1,742,926	1,158,305
BVH	HOSE	680.5	31,301.69	5.63%	46.0	25.84	2.71	175,526	136,174	166,248
PVS	HNX	446.7	18,895.43	5.50%	42.3	10.60	2.25	4,477,217	4,117,444	3,101,428
PVD	HOSE	303.0	30,152.17	3.79%	99.5	12.79	2.70	428,259	413,006	374,970
ITA	HOSE	718.9	6,613.93	3.48%	9.2	66.64	0.79	11,493,676	9,458,788	6,179,537
SHB	HNX	886.1	8,329.18	3.36%	9.4	9.85	0.78	7,729,647	5,450,956	5,428,388
HAG	HOSE	790.0	19,038.23	3.27%	24.1	16.38	1.40	3,419,038	3,374,188	2,761,211
VCG	HNX	441.7	6,404.80	3.21%	14.5	11.27	1.16	1,233,391	1,013,041	979,003
OGC	HOSE	300.0	3,570.00	2.07%	11.9	43.93	1.13	4,062,746	3,769,309	2,014,523
DRC	HOSE	83.1	4,776.75	1.52%	57.5	12.86	3.49	185,938	206,861	237,596
GMD	HOSE	116.1	4,006.76	1.49%	34.5	7.93	0.83	535,478	473,901	257,079
PPC	HOSE	318.2	7,444.82	1.32%	23.4	15.15	1.47	789,579	748,142	579,176
PVT	HOSE	255.9	4,298.41	1.16%	16.8	17.71	1.46	2,246,450	2,208,692	1,821,617
PVX	HNX	400.0	2,480.00	0.00%	6.2	- 1.97	3.29	12,933,081	11,285,674	7,530,959

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	0.00%	54.5	16.12	4.34	2,824,376	2,110,173	1,061,712
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.00%	83.0	#####	4.27	211,453	307,978	240,432
DPM	HOSE	379.9	12,841.78	0.00%	33.8	10.19	1.44	2,338,408	1,742,926	1,158,305
HAG	HOSE	790.0	19,038.23	0.00%	24.1	16.38	1.40	3,419,038	3,374,188	2,761,211
VCB	HOSE	2,665.0	75,953.08	0.00%	28.5	16.57	1.71	669,769	621,710	461,716
STB	HOSE	1,142.5	22,621.73	0.00%	19.8	8.29	1.34	454,665	329,352	911,147
BVH	HOSE	680.5	31,301.69	0.00%	46.0	25.84	2.71	175,526	136,174	166,248
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	655,823	469,847	343,998
GAS	HOSE	1,895.0	229,295.00	0.00%	121.0	19.82	6.49	304,499	361,860	316,246

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.88%	83.0	#####	4.27	211,453	307,978	240,432
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	0.56%	54.5	16.12	4.34	2,824,376	2,110,173	1,061,712
STB	HOSE	1,142.5	22,621.73	0.31%	19.8	8.29	1.34	454,665	329,352	911,147
VCB	HOSE	2,665.0	75,953.08	0.24%	28.5	16.57	1.71	669,769	621,710	461,716
DPM	HOSE	379.9	12,841.78	0.15%	33.8	10.19	1.44	2,338,408	1,742,926	1,158,305
BVH	HOSE	680.5	31,301.69	0.08%	46.0	25.84	2.71	175,526	136,174	166,248

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,552	6.9	1.0	13.7%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,141	9.6	1.6	16.4%	11.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,667	24.5	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	829	7.2	0.9	12.5%	6.6%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,714	17.3	2.2	20.5%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,918	3.3	0.9	24.6%	5.3%
Khai khoáng	12,222	67.3	5.6	0.3%	0.0%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,777	16.0	1.5	11.5%	7.6%
Xây dựng	32,221	48.3	1.3	-1.1%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,163	8.1	1.2	16.3%	8.4%
Công nghiệp phức hợp	815	6.7	1.6	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,314	6.6	0.9	13.7%	6.0%
Thiết bị điện	1,781	18.2	0.9	0.8%	-0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	44	13.4	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,586	9.1	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,398	3.2	1.2	4.3%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,795	8.5	1.5	18.9%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,081	7.8	1.5	18.6%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,958	9.9	1.6	14.2%	6.9%
Đào tạo & Việc làm	232	9.6	0.7	8.4%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	189	8.4	0.9	11.3%	4.7%
Chất thải & Môi trường	175	2.7	0.8	35.1%	16.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,277	19.7	1.4	11.9%	6.5%
Lốp xe	8,321	10.3	3.0	27.6%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,574	7.9	1.3	15.5%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	305	13.6	2.1	16.0%	10.1%
Đồ uống & giải khát	226	6.5	1.1	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,264	11.8	1.9	18.2%	6.5%
Thực phẩm	199,235	24.2	4.8	20.6%	16.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	76	19.1	0.9	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,333	7.9	1.1	14.3%	7.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	595	46.9	1.5	2.9%	2.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,530	9.3	1.8	18.5%	7.3%
Giày dép	7	1.0	0.4	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,112	9.5	1.8	18.1%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	700	7.8	1.1	-0.6%	4.1%

11 September 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	931	14.5	1.0	6.7%	3.9%
Dụng cụ y tế	160	3.2	1.8	38.1%	16.2%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	157	7.2	0.9	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,424	10.7	2.9	24.8%	16.3%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	268	50.4	0.9	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	705	10.8	1.1	12.9%	7.6%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,001	11.1	1.8	16.6%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,107	9.7	1.0	10.3%	7.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,654	72.5	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,369	13.2	1.3	14.7%	12.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,404	18.3	2.9	22.4%	19.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	620	14.8	0.8	5.5%	2.0%
Internet	340	71.7	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	19,561	12.1	2.5	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	458	15.9	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng	282	4.8	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	11,797	30.5	7.0	33.7%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	24,924	-	5.9	1.3	-16.0%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	236,029	19.3	6.4	33.1%	22.7%
Nước	1,244	6.6	1.1	16.9%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,290	7.4	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,766	12.1	0.7	6.2%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,753	8.8	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,574	25.8	2.7	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,570	43.9	1.1	2.5%	0.7%
Môi giới chứng khoán	27,650	13.9	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	248,535	11.5	1.3	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	164,269	16.9	2.8	20.5%	5.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	13	3.3	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	52,369	11.8	2.5	22.7%	9.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.